



TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP  
Dong Thap University Journal of Science

Số Đặc biệt Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn

ISSN 0866-7675 | e-ISSN 2815-567X



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1793>

## QUẢN LÝ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRẺ CỦA CÁC TRƯỜNG MẦM NON Ở XÃ HÒA ĐIỀN, TỈNH AN GIANG

Phan Trọng Nam<sup>1\*</sup>, Lê Thị Thanh<sup>2</sup> và Thái Tú Trinh<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Phòng Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

<sup>2</sup>Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

<sup>3</sup>Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: [ptnam@dthu.edu.vn](mailto:ptnam@dthu.edu.vn)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 19/3/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 28/3/2026; Ngày duyệt đăng: 03/4/2026

### Tóm tắt

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non trở thành yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và hiệu quả quản lý nhà trường. Nghiên cứu này phân tích thực trạng quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang. Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp định lượng và định tính; trong đó, điều tra bằng bảng hỏi theo thang đo Likert 5 mức độ được thực hiện với 32 cán bộ quản lý và giáo viên, kết hợp phỏng vấn sâu và xử lý số liệu bằng thống kê mô tả. Kết quả nghiên cứu cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên có nhận thức tích cực, thống nhất về vai trò của công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non. Nội dung ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai khá đa dạng, đặc biệt trong khai thác học liệu số, tổ chức hoạt động trực quan và hỗ trợ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ. Tuy nhiên, phương pháp và hình thức ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng đều, nhất là trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, khám phá và cá thể hóa học liệu. Các điều kiện bảo đảm như cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin, học liệu số và công tác bồi dưỡng đội ngũ đã được quan tâm nhưng chưa đồng bộ. Công tác quản lý ứng dụng công nghệ thông tin ở các nội dung lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra và quản lý điều kiện bảo đảm đều đạt mức khá, song vẫn còn hạn chế về tính linh hoạt, tính hệ thống và hiệu quả hỗ trợ đội ngũ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất 5 biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

**Từ khóa:** Giáo dục mầm non, hoạt động giáo dục trẻ, Hòa Điền, quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin.

Trích dẫn: Phan, T. N., Lê, T. T., & Thái, T. T. (2026). Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(01S), 278-291. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1793>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **MANAGING THE APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY IN EDUCATIONAL ACTIVITIES IN PRESCHOOLS IN HOA DIEN COMMUNE, AN GIANG PROVINCE**

**Phan Trong Nam<sup>1\*</sup> Le Thi Thanh<sup>2</sup> and Thai Tu Trinh<sup>3</sup>**

<sup>1</sup>*Research Affairs Office, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>2</sup>*Quality Assurance Office, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>3</sup>*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

*\*Corresponding author: Email: ptnam@dthu.edu.vn*

### **Article history**

*Received: 19/3/2026; Received in revised form: 28/3/2026; Accepted: 3/4/2026*

### **Abstract**

*In the context of educational reform and digital transformation, the application of information technology in early childhood education has become an essential requirement for improving the quality of child care, education, and school management. This study analyzes the current status of the management of information technology applications in educational activities in preschools in Hoa Dien Commune, An Giang Province. The research employs a combination of quantitative and qualitative methods; a questionnaire survey using a 5-point Likert scale was conducted with 32 administrators and teachers, combined with in-depth interviews and descriptive statistical analysis. The findings reveal that administrators and teachers have a positive and consistent awareness of the role of information technology in early childhood education. Information technology applications have been implemented in a relatively diverse manner, particularly in the use of digital learning materials, the organization of visual-based and interactive activities, and support for monitoring and assessing children's development. However, the methods and forms of information technology application remain uneven, especially in organizing experiential activities and personalizing learning materials for children. Supporting conditions, including facilities, equipment, information technology infrastructure, digital resources, and teacher professional development, have improved. However, they are not yet fully aligned. The management of information technology applications-covering planning, implementation, monitoring, evaluation, and resource management-has generally reached moderate to relatively high levels; however, limitations remain in terms of flexibility, systematic organization, and the effectiveness of professional support. Based on these findings, the study proposes five management measures to enhance the effectiveness of IT application in educational activities for children, thereby contributing to meeting the requirements of educational innovation in the context of digital transformation.*

**Keywords:** *Early childhood education, educational activities for children, Hoa Dien, IT application, management.*

## **1. Đặt vấn đề**

Trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cùng với xu thế chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra mạnh mẽ, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục ngày càng trở thành yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục. Đối với bậc học mầm non - cấp học đặt nền tảng cho sự phát triển toàn diện của trẻ - việc ứng dụng CNTT không chỉ hỗ trợ đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà trường, phù hợp với yêu cầu của Điều lệ trường mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

Các nghiên cứu đã khẳng định CNTT có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ giáo viên thiết kế môi trường giáo dục trực quan, sinh động; tổ chức các hoạt động phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ; đồng thời nâng cao hiệu quả đánh giá và quản lý chất lượng giáo dục (Nguyễn, 2021). Bên cạnh đó, việc ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá theo định hướng giáo dục thông minh cũng đã được đề xuất như một xu hướng tất yếu, góp phần đổi mới phương thức quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục (Cổ & Trần, 2024).

Tuy nhiên, các nghiên cứu thực tiễn gần đây cho thấy việc quản lý ứng dụng CNTT trong các cơ sở giáo dục vẫn còn nhiều hạn chế. Kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả như (Lê, 2024; Hồng & Phạm, 2024; Nguyễn & Phạm, 2024; Trần & Đào, 2025; Dương & Phan, 2023) đều chỉ ra rằng hiệu quả ứng dụng CNTT phụ thuộc chặt chẽ vào các chức năng quản lý như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá; đồng thời chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như cơ sở vật chất, năng lực đội ngũ và cơ chế quản lý. Những hạn chế phổ biến bao gồm: hạ tầng CNTT chưa đồng bộ, năng lực ứng dụng của giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu, và công tác quản lý còn thiếu tính hệ thống, chưa gắn với mục tiêu đổi mới giáo dục.

Đối với giáo dục mầm non, những khó khăn này càng thể hiện rõ do đặc thù của hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ, đòi hỏi sự kết hợp linh hoạt giữa phương pháp trực quan, trải nghiệm và ứng dụng công nghệ. Theo quy định của Điều lệ trường mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020), việc tổ chức các hoạt động giáo dục phải bảo đảm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ, do đó việc ứng dụng CNTT cần được quản lý một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Tại xã Hòa Điền, tỉnh An Giang - một địa bàn nông thôn thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long - giáo dục mầm non trong những năm gần đây đã có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, cơ sở vật chất và hạ tầng CNTT giữa các trường chưa đồng đều; năng lực ứng dụng CNTT của đội ngũ giáo viên còn có sự chênh lệch; công tác quản lý ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ chưa thực sự đồng bộ và hiệu quả. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu một cách hệ thống về thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non tại địa phương.

Nghiên cứu sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi giữ vai trò chủ đạo nhằm thu thập thông tin về thực trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ và công tác quản lý ứng dụng CNTT tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang. Phiếu khảo sát được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, bảo đảm phản ánh đầy đủ và khách quan ý kiến của người tham gia, với nội dung tập trung vào các nhóm vấn đề chính gồm: nhận thức về vai trò của CNTT trong giáo dục mầm non; mức độ ứng dụng CNTT trong tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ; các điều kiện bảo đảm cho việc ứng dụng; hiệu quả đạt được; và những khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai. Công cụ khảo sát được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước và điều chỉnh phù hợp với đặc thù giáo dục mầm non tại địa phương; nội dung chi tiết của phiếu điều tra được cung cấp tại địa chỉ <https://forms.gle/wCxbQMj78xH2yYWz8>. Nghiên cứu được

triển khai với sự tham gia của 32 đáp viên là cán bộ quản lý (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng) và giáo viên tại các trường mầm non trên địa bàn xã Hòa Điền, bảo đảm tính đại diện và độ tin cậy của mẫu khảo sát. Dữ liệu thu thập được xử lý thông qua các phương pháp thống kê mô tả, trong đó giá trị trung bình được sử dụng làm chỉ số đánh giá mức độ thực hiện các nội dung; kết quả được phân loại theo các khoảng giá trị: từ 1,00 đến 1,80 là mức kém; từ 1,81 đến 2,60 là mức yếu; từ 2,61 đến 3,40 là mức trung bình; từ 3,41 đến 4,20 là mức khá; và từ 4,21 đến 5,00 là mức tốt, tương ứng với các mức độ đáp ứng từ thấp đến cao đối với yêu cầu triển khai hoạt động.

Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích thực trạng quản lý ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang, trên các phương diện: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá; đồng thời xác định các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

## **2. Kết quả nghiên cứu**

### **2.1. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang**

#### *2.1.1. Nhận thức về vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ*

Dữ liệu nghiên cứu cho thấy cán bộ quản lý và giáo viên mầm non tại xã Hòa Điền, tỉnh An Giang có nhận thức tích cực và thống nhất về vai trò của ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ. Các nội dung đánh giá đều đạt điểm trung bình (ĐTB) ở mức cao (trên 4,0), phản ánh sự đồng thuận rõ rệt của đội ngũ về tầm quan trọng của CNTT trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Trong đó, nội dung “CNTT giúp hoạt động giáo dục trực quan, sinh động, dễ tiếp thu” đạt ĐTB cao nhất (ĐTB = 4,47), cho thấy CNTT có vai trò nổi bật trong việc tạo hứng thú học tập và hỗ trợ trẻ tiếp thu kiến thức hiệu quả. Nội dung “CNTT là yếu tố then chốt nâng cao chất lượng giáo dục mầm non” (ĐTB = 4,38) tiếp tục khẳng định nhận thức của đội ngũ về vai trò cốt lõi của CNTT trong nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ. Bên cạnh đó, CNTT còn được đánh giá cao trong việc góp phần đổi mới phương pháp dạy học và phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ (ĐTB = 4,25).

Các nội dung về tính tất yếu và vai trò của CNTT trong quản lý cũng được đánh giá ở mức khá (ĐTB từ 4,03 đến 4,09), tuy nhiên mức độ đồng thuận chưa cao bằng các nội dung liên quan trực tiếp đến hoạt động giáo dục. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy CNTT được nhìn nhận là công cụ quan trọng trong tổ chức hoạt động giáo dục, hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp, khai thác học liệu số và nâng cao năng lực chuyên môn, đồng thời góp phần hình thành kỹ năng số ban đầu cho trẻ. Trong công tác quản lý, CNTT hỗ trợ quản lý dữ liệu và tăng cường kết nối giữa nhà trường với phụ huynh. Nhìn chung, nhận thức đúng đắn của đội ngũ là tiền đề quan trọng để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non tại địa phương.

#### *2.1.2. Thực trạng nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ*

Kết quả phân tích cho thấy nội dung ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang được triển khai tương đối đồng đều, với ĐTB các nội dung đều trên 4,00, thể hiện mức độ thực hiện từ khá đến tốt.

Trong đó, nội dung “Theo dõi, quản lý và đánh giá sự phát triển của trẻ qua phần mềm,

hồ sơ điện tử” đạt ĐTB cao nhất (ĐTB = 4,19), cho thấy CNTT được ứng dụng hiệu quả trong công tác quản lý và đánh giá trẻ. Nội dung “Khai thác, lưu trữ và sử dụng học liệu số” cũng đạt mức cao (ĐTB = 4,13), phản ánh sự chủ động của giáo viên trong việc sử dụng các nguồn học liệu điện tử như hình ảnh, video, phần mềm và trò chơi giáo dục để hỗ trợ hoạt động dạy học.

Các nội dung liên quan đến thiết kế bài giảng điện tử và tổ chức trò chơi tương tác đều đạt ĐTB = 4,03, cho thấy CNTT đã được sử dụng khá thường xuyên trong hoạt động giảng dạy. Tuy nhiên, mức độ chưa thực sự nổi trội, phần nào phản ánh sự phụ thuộc vào năng lực CNTT của giáo viên và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường. Nội dung phối hợp với phụ huynh qua các kênh trực tuyến đạt ĐTB = 4,06, cho thấy CNTT đã góp phần tăng cường kết nối giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy CNTT được ứng dụng phổ biến nhất trong hoạt động dạy học như trình chiếu bài giảng, tổ chức trò chơi tương tác và khai thác học liệu số; đồng thời bước đầu được sử dụng trong quản lý, xử lý dữ liệu và hỗ trợ điều hành. Đặc biệt, các hoạt động kết hợp trò chơi tương tác mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc tạo hứng thú, tăng sự tham gia và khả năng ghi nhớ của trẻ.

Nhìn chung, nội dung ứng dụng CNTT trong giáo dục trẻ đã được triển khai đa dạng và đạt hiệu quả nhất định; tuy nhiên vẫn chịu ảnh hưởng bởi điều kiện cơ sở vật chất và năng lực đội ngũ, đòi hỏi có các biện pháp quản lý và hỗ trợ phù hợp trong thời gian tới.

### *2.1.3. Thực trạng về phương pháp và hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ*

Kết quả khảo sát cho thấy phương pháp và hình thức ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang đạt mức trung bình khá, với ĐTB dao động từ 3,75 đến 3,84. Trong đó, hai nội dung được đánh giá cao nhất là “Sử dụng video, hình ảnh, học liệu điện tử trong các giờ học” và “Phối hợp giáo dục giữa nhà trường - phụ huynh - cộng đồng qua CNTT” (ĐTB = 3,84), cho thấy giáo viên đã khá thường xuyên sử dụng học liệu số để hỗ trợ giảng dạy, đồng thời bước đầu khai thác CNTT nhằm tăng cường kết nối và phối hợp giáo dục. Các nội dung “Tích hợp CNTT trong hoạt động giáo dục theo hướng trực quan, sinh động” và “Điều chỉnh, lựa chọn học liệu phù hợp với nhu cầu của trẻ” đạt ĐTB = 3,78, phản ánh giáo viên đã có ý thức vận dụng CNTT theo định hướng lấy trẻ làm trung tâm, tuy nhiên việc cá thể hóa học liệu vẫn còn phụ thuộc vào năng lực cá nhân. Nội dung “Tổ chức hoạt động trải nghiệm, khám phá, trò chơi tương tác” có ĐTB thấp nhất (3,75), cho thấy việc khai thác CNTT trong các hoạt động mang tính trải nghiệm chưa thật sự thường xuyên và đồng đều.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy CNTT được sử dụng chủ yếu thông qua trình chiếu bài giảng điện tử, khai thác video, hình ảnh, thiết kế trò chơi học tập và tìm kiếm học liệu trên Internet. Một số giáo viên đã bước đầu vận dụng CNTT trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, STEAM và sử dụng clip hướng dẫn nhằm tăng tính khám phá cho trẻ. Các phương pháp giáo dục truyền thống như “chơi mà học”, quan sát và thực hành được kết hợp linh hoạt với CNTT, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động.

Nhìn chung, việc ứng dụng CNTT được triển khai theo hướng trực quan, phù hợp với đặc điểm tâm lý trẻ mầm non và góp phần nâng cao hứng thú học tập. Tuy nhiên, mức độ vận dụng còn chưa đồng đều, đặc biệt trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, đòi hỏi cần tăng cường bồi dưỡng năng lực và định hướng quản lý để phát huy hiệu quả CNTT trong thời gian tới.

### *2.1.4. Thực trạng về điều kiện đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ*

Kết quả phân tích cho thấy các điều kiện bảo đảm ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang đạt mức trung bình khá, với ĐTB dao động từ 3,66 đến 3,94. Trong đó, “Nguồn học liệu số” được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,94), cho thấy giáo viên đã bước đầu khai thác tương đối đa dạng các tài nguyên số như video, hình ảnh, trò chơi và bài giảng điện tử phục vụ hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn cao phản ánh sự không đồng đều trong khả năng tiếp cận và sử dụng giữa các giáo viên và các trường. Các yếu tố như kinh phí và chính sách hỗ trợ (ĐTB = 3,78) và hệ thống mạng Internet, phần mềm (ĐTB = 3,77) được đánh giá ở mức khá, cho thấy đã có sự quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tiễn. Nội dung về bồi dưỡng năng lực CNTT (ĐTB = 3,75) cho thấy công tác tập huấn đã được triển khai nhưng chưa đồng đều, còn thiếu tính chuyên sâu và gắn với thực hành.

Đáng chú ý, cơ sở vật chất và thiết bị CNTT có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,66), phản ánh việc trang bị thiết bị chưa đồng bộ, một số thiết bị còn thiếu hoặc chưa được nâng cấp kịp thời. Kết quả phỏng vấn cho thấy mặc dù nhiều trường đã được trang bị tivi kết nối Internet và hệ thống Wifi, song mức độ đáp ứng mới chỉ ở mức cơ bản; một số hạn chế vẫn tồn tại như đường truyền chưa ổn định, học liệu số còn hạn chế và chưa phù hợp hoàn toàn với đặc thù giáo dục mầm non.

Nhìn chung, các điều kiện bảo đảm cho ứng dụng CNTT đã được quan tâm đầu tư và bước đầu đáp ứng yêu cầu triển khai. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về cơ sở vật chất, tính đồng bộ của hạ tầng, nguồn học liệu và hiệu quả bồi dưỡng đội ngũ, đòi hỏi cần có các giải pháp quản lý và đầu tư phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong thời gian tới.

## **2.2. Thực trạng công tác quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ**

### *2.2.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin*

**Bảng 1. Kết quả đánh giá về công tác lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ**

<b>TT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>ĐTB</b>	<b>ĐLC</b>
1	Lập kế hoạch gắn với mục tiêu giáo dục mầm non và định hướng đổi mới	3,75	0,80
2	Nội dung, chỉ tiêu, thời gian được xác định rõ ràng	3,91	0,73
3	Có phân công trách nhiệm cụ thể cho cán bộ quản lý và giáo viên	3,84	0,81
4	Có dự trù kinh phí, cơ sở vật chất và học liệu số	3,75	0,72
5	Kế hoạch được rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời	3,58	0,81

Kết quả phân tích số liệu cho thấy công tác lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền đạt mức khá, với ĐTB từ 3,58 đến 3,91. Nội dung “Xác định rõ nội dung, chỉ tiêu, thời gian” đạt cao nhất (ĐTB = 3,91), cho thấy kế hoạch được xây dựng tương đối cụ thể. Việc phân công trách nhiệm cũng được thực hiện khá tốt (ĐTB = 3,84), góp phần bảo đảm tính rõ ràng trong tổ chức thực hiện.

Các nội dung gắn kế hoạch với mục tiêu giáo dục và dự trù nguồn lực cùng đạt ĐTB = 3,75, phản ánh sự quan tâm bước đầu nhưng chưa thật sự cụ thể, đồng bộ. Nội dung “Rà soát, điều chỉnh kế hoạch” có điểm thấp nhất (ĐTB = 3,58), cho thấy tính linh hoạt trong triển khai còn hạn chế.

Kết quả phỏng vấn cho thấy kế hoạch được xây dựng khá bài bản và phổ biến rộng rãi, song vẫn còn mang tính hình thức, chưa sát thực tiễn từng lớp và chưa phân hóa theo năng lực giáo viên.

Nhìn chung, công tác lập kế hoạch đạt mức khá nhưng cần tăng cường tính linh hoạt, cụ thể và gắn với thực tiễn để nâng cao hiệu quả quản lý ứng dụng CNTT.

**Bảng 2.2. Kết quả đánh giá về thực trạng tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ**

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT một cách đồng bộ	3,84	0,78
2	Phân công, bố trí nhiệm vụ rõ ràng cho cán bộ quản lý và giáo viên	4,06	0,81
3	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực CNTT cho giáo viên	3,77	0,72
4	Huy động và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị CNTT	4,13	0,76
5	Phối hợp giữa các bộ phận trong trường và với phụ huynh, cộng đồng	3,97	0,91

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy công tác tổ chức triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang được thực hiện ở mức khá, với ĐTB dao động từ 3,77 đến 4,13. Nội dung “Huy động và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị CNTT” đạt giá trị cao nhất (ĐTB = 4,13), cho thấy nhà trường đã khai thác tương đối hiệu quả các nguồn lực hiện có, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục và quản lý. Đồng thời, nội dung “Phân công, bố trí nhiệm vụ rõ ràng cho cán bộ quản lý và giáo viên” đạt ĐTB = 4,06, phản ánh sự rõ ràng trong phân công trách nhiệm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động một cách thống nhất.

Nội dung “Phối hợp giữa các bộ phận trong trường và với phụ huynh, cộng đồng” đạt ĐTB = 3,97, cho thấy công tác phối hợp đã được chú trọng, đặc biệt thông qua các kênh ứng dụng CNTT; tuy nhiên, mức độ triển khai còn chưa đồng đều giữa các đơn vị. Trong khi đó, nội dung “Triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT một cách đồng bộ” đạt ĐTB = 3,84 và “Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực CNTT cho giáo viên” đạt ĐTB = 3,77 cho thấy hiệu quả triển khai và công tác bồi dưỡng đội ngũ vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Kết quả phỏng vấn cho thấy hoạt động tổ chức triển khai được thực hiện tương đối thường xuyên, có kế hoạch và có sự hỗ trợ trong nội bộ nhà trường. Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng CNTT còn thiếu tính chuyên sâu, chưa gắn chặt với nhu cầu thực tiễn và chưa đồng đều giữa các giáo viên.

Nhìn chung, công tác tổ chức triển khai ứng dụng CNTT đạt mức khá, song cần tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, hỗ trợ đội ngũ và nâng cao tính đồng bộ nhằm cải thiện hiệu quả ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ.

### *2.2.3. Thực trạng công tác chỉ đạo, điều hành ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ*

**Bảng 3. Kết quả đánh giá về thực trạng chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ**

TT	Nội dung tự đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Ban giám hiệu chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt	3,90	0,79
2	Tổ chuyên môn định hướng, điều phối nội dung ứng dụng CNTT	4,10	0,65
3	Tổ chức sinh hoạt chuyên đề, hội thảo để đổi mới phương pháp, hình thức	3,88	0,75
4	Lồng ghép CNTT phù hợp vào các môn học và hoạt động	4,09	0,69
5	Kịp thời điều chỉnh kế hoạch, nội dung hoặc hình thức khi cần	3,63	0,83

Kết quả phân tích cho thấy công tác chỉ đạo, điều hành ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang đạt mức khá, với ĐTB dao động từ 3,63 đến 4,10. Nội dung “Tổ chuyên môn định hướng, điều phối nội dung ứng dụng CNTT” đạt cao nhất (ĐTB = 4,10), cho thấy vai trò quan trọng của tổ chuyên môn trong việc hướng dẫn và hỗ trợ giáo viên triển khai CNTT trong hoạt động giáo dục. Bên cạnh đó, nội dung “Lồng ghép CNTT phù hợp vào các môn học và hoạt động” đạt ĐTB = 4,09, phản ánh việc ứng dụng CNTT đã được định hướng theo hướng phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi và yêu cầu giáo dục mầm non.

Nội dung “Ban giám hiệu chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt” đạt ĐTB = 3,90, cho thấy sự quan tâm và vai trò định hướng tương đối rõ ràng của lãnh đạo nhà trường. Hoạt động “Tổ chức sinh hoạt chuyên đề, hội thảo” đạt ĐTB = 3,88, phản ánh các hoạt động chuyên môn đã được triển khai nhưng chưa đồng đều giữa các đơn vị. Đáng chú ý, nội dung “Kịp thời điều chỉnh kế hoạch, nội dung hoặc hình thức” có điểm thấp nhất (ĐTB = 3,63), cho thấy hạn chế về tính linh hoạt trong công tác điều hành.

Kết quả phỏng vấn cho thấy Ban giám hiệu và tổ chuyên môn đã thực hiện khá tốt vai trò chỉ đạo, thường xuyên định hướng và hỗ trợ giáo viên trong quá trình ứng dụng CNTT. Các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, tập huấn và chia sẻ kinh nghiệm được duy trì, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ. Tuy nhiên, việc điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai chưa thật sự kịp thời và linh hoạt.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, điều hành đạt mức khá, song cần tăng cường tính linh hoạt, kịp thời trong điều chỉnh và nâng cao hiệu quả điều hành nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

*2.2.4. Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ*

**Bảng 4. Kết quả đánh giá về thực trạng kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ**

TT	Nội dung tự đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kỳ	3,75	0,80

TT	Nội dung tự đánh giá	ĐTB	ĐLC
2	Thực hiện giám sát thường xuyên việc ứng dụng CNTT	3,78	0,91
3	Sử dụng đa dạng hình thức đánh giá (quan sát, dự giờ, báo cáo, hồ sơ)	3,88	0,79
4	Có phản hồi kịp thời, khách quan để hỗ trợ giáo viên cải tiến	4,03	0,84
5	Sử dụng kết quả kiểm tra làm căn cứ điều chỉnh, bồi dưỡng năng lực CNTT	4,00	0,84

Kết quả phân tích số liệu cho thấy công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang được thực hiện ở mức khá, với ĐTB dao động từ 3,75 đến 4,03. Nội dung “Có phản hồi kịp thời, khách quan để hỗ trợ giáo viên cải tiến” đạt giá trị cao nhất (ĐTB = 4,03), cho thấy hoạt động kiểm tra không chỉ dừng ở việc đánh giá mà còn gắn với tư vấn, hỗ trợ, góp phần nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT trong thực tiễn. Đồng thời, nội dung “Sử dụng kết quả kiểm tra làm căn cứ điều chỉnh, bồi dưỡng năng lực CNTT” đạt ĐTB = 4,00, phản ánh sự bước đầu gắn kết giữa kiểm tra, đánh giá và phát triển năng lực đội ngũ.

Nội dung “Sử dụng đa dạng hình thức đánh giá” đạt ĐTB = 3,88, cho thấy các trường đã vận dụng tương đối linh hoạt các hình thức như dự giờ, quan sát, kiểm tra hồ sơ và sản phẩm CNTT nhằm bảo đảm tính toàn diện và khách quan. Trong khi đó, các nội dung “Thực hiện giám sát thường xuyên” (ĐTB = 3,78) và “Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ” (ĐTB = 3,75) có mức điểm thấp hơn, phản ánh hoạt động kiểm tra chưa thật sự thường xuyên và thiếu tính hệ thống.

Kết quả phỏng vấn cho thấy công tác kiểm tra, giám sát được triển khai khá thường xuyên, gắn với hoạt động chuyên môn và quản lý nhà trường, đồng thời bảo đảm tính khách quan thông qua minh chứng cụ thể. Tuy nhiên, vẫn còn hiện tượng kiểm tra mang tính hình thức ở một số thời điểm, và việc sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng chưa được thực hiện một cách đồng bộ, liên tục.

Nhìn chung, công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá đạt mức khá, song cần tiếp tục hoàn thiện quy trình, tăng cường tính hệ thống và gắn chặt hơn với hoạt động bồi dưỡng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý ứng dụng CNTT trong nhà trường.

*2.2.5. Quản lý các điều kiện bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ*

**Bảng 5. Kết quả đánh giá về thực trạng quản lý các điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ**

TT	Nội dung tự đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Quản lý đầu tư, mua sắm, nâng cấp thiết bị CNTT	3,72	0,92
2	Quản lý việc bảo trì, sửa chữa, khai thác và sử dụng thiết bị CNTT	3,72	0,85
3	Quản lý xây dựng, cập nhật và phát triển nguồn học liệu số	4,09	0,78

TT	Nội dung tự đánh giá	ĐTB	ĐLC
4	Quản lý bố trí, sử dụng nguồn kinh phí hợp lý	3,91	0,64
5	Quản lý tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên	3,88	0,66

Kết quả phân tích cho thấy công tác quản lý các điều kiện bảo đảm ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang đạt mức khá, với ĐTB dao động từ 3,72 đến 4,09. Nội dung “Quản lý xây dựng, cập nhật và phát triển nguồn học liệu số” đạt cao nhất (ĐTB = 4,09), cho thấy nhà trường đã quan tâm phát triển kho học liệu số và khuyến khích giáo viên xây dựng, chia sẻ học liệu phục vụ giảng dạy. Nội dung “Quản lý bố trí, sử dụng nguồn kinh phí hợp lý” đạt ĐTB = 3,91, phản ánh việc phân bổ kinh phí tương đối phù hợp, ưu tiên cho các hoạt động thiết yếu như đầu tư thiết bị, hạ tầng và bồi dưỡng đội ngũ.

Nội dung “Quản lý tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực CNTT cho cán bộ quản lý và giáo viên” đạt ĐTB = 3,88, cho thấy công tác bồi dưỡng đã được quan tâm nhưng hiệu quả chưa đồng đều, còn thiếu chiều sâu. Hai nội dung “Quản lý đầu tư, mua sắm, nâng cấp thiết bị CNTT” và “Quản lý bảo trì, khai thác, sử dụng thiết bị CNTT” cùng đạt ĐTB = 3,72, phản ánh việc quản lý thiết bị còn hạn chế về tính đồng bộ và hiệu quả sử dụng.

Kết quả phỏng vấn cho thấy nhà trường đã thực hiện tương đối tốt việc quản lý đầu tư, bảo trì thiết bị, xây dựng học liệu số và bố trí kinh phí, đáp ứng cơ bản yêu cầu ứng dụng CNTT. Tuy nhiên, nguồn kinh phí còn hạn chế, thiết bị chưa đồng bộ và công tác bồi dưỡng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tiễn.

Nhìn chung, công tác quản lý các điều kiện bảo đảm đạt mức khá, song cần tăng cường đầu tư, nâng cao tính đồng bộ và gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong nhà trường.

### **2.3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục trẻ của các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang**

#### *2.3.1. Hoàn thiện công tác lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin gắn với mục tiêu giáo dục trẻ và điều kiện thực tiễn của nhà trường*

- Mục tiêu: Biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non theo hướng khoa học, đồng bộ và linh hoạt; bảo đảm kế hoạch trở thành công cụ quản lý hiệu quả, định hướng rõ ràng cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Đồng thời khắc phục hạn chế về việc kế hoạch chưa được rà soát, điều chỉnh kịp thời và mức độ gắn kết với điều kiện thực tiễn, năng lực đội ngũ còn chưa cao.

- Nội dung: Kế hoạch ứng dụng CNTT cần được xây dựng bám sát mục tiêu giáo dục mầm non, định hướng phát triển toàn diện trẻ và yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục. Nội dung kế hoạch phải xác định rõ các lĩnh vực, hoạt động giáo dục có ứng dụng CNTT; quy định cụ thể chỉ tiêu, tiến độ thực hiện theo từng giai đoạn; phân công trách nhiệm rõ ràng cho Ban giám hiệu, tổ chuyên môn và giáo viên. Đồng thời, cần dự trù đầy đủ các điều kiện bảo đảm như thiết bị, học liệu số, kinh phí và bồi dưỡng đội ngũ. Kế hoạch phải được thiết kế theo hướng mở, có cơ chế rà soát, đánh giá và điều chỉnh linh hoạt trong quá trình triển khai.

- Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu chủ trì xây dựng kế hoạch hằng năm trên cơ sở kế hoạch giáo dục và văn bản chỉ đạo của ngành, đồng thời huy động sự tham gia của tổ chuyên

môn và giáo viên để bảo đảm tính khả thi. Dự thảo kế hoạch được lấy ý kiến thông qua hội đồng sư phạm hoặc sinh hoạt chuyên môn trước khi ban hành. Trong quá trình thực hiện, tổ chuyên môn theo dõi, giám sát việc triển khai; định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế. Kết quả thực hiện được sử dụng làm căn cứ cho công tác chỉ đạo, kiểm tra và bồi dưỡng đội ngũ, bảo đảm vận hành hiệu quả chu trình quản lý.

### *2.3.2. Tăng cường tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ, phân hóa và lấy trẻ làm trung tâm*

- Mục tiêu: Biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non theo hướng đồng bộ, linh hoạt và phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi. Qua đó, bảo đảm các kế hoạch ứng dụng CNTT được chuyên hóa thành hoạt động giáo dục cụ thể, thiết thực và hiệu quả trong từng lớp học; đồng thời khắc phục tình trạng triển khai chưa đồng đều và năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên còn chênh lệch.

- Nội dung: Việc triển khai ứng dụng CNTT cần được thực hiện đồng bộ giữa các khối lớp, các lĩnh vực giáo dục và các bộ phận trong nhà trường, bám sát kế hoạch đã xây dựng nhưng có điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế. Nội dung triển khai tập trung vào các hoạt động giáo dục có tính trực quan, trải nghiệm và tương tác cao, phù hợp với nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”, tránh lạm dụng CNTT. Đồng thời, phân công nhiệm vụ rõ ràng theo năng lực đội ngũ, phát huy vai trò giáo viên cốt cán trong hỗ trợ, hướng dẫn giáo viên còn hạn chế. Tăng cường các hình thức triển khai như sinh hoạt chuyên môn, dự giờ – rút kinh nghiệm, chia sẻ học liệu số nhằm lan tỏa kinh nghiệm và nâng cao tính đồng đều.

- Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu chỉ đạo cụ thể hóa kế hoạch ứng dụng CNTT thành nhiệm vụ của từng tổ chuyên môn và giáo viên theo từng giai đoạn. Nhà trường phân công giáo viên có năng lực CNTT làm đầu mối hỗ trợ chuyên môn và kỹ thuật, tổ chức hướng dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp cho giáo viên. Định kỳ tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề ứng dụng CNTT gắn với tình huống thực tiễn lớp học. Đồng thời, Ban giám hiệu theo dõi, đánh giá quá trình triển khai thông qua dự giờ, quan sát hoạt động và sản phẩm CNTT của giáo viên, từ đó kịp thời điều chỉnh, hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục trẻ.

### *2.3.3. Tăng cường chỉ đạo, điều hành ứng dụng công nghệ thông tin gắn với đổi mới phương pháp giáo dục trẻ và phát huy vai trò tổ chuyên môn*

- Mục tiêu: Biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Ban giám hiệu và tổ chuyên môn trong quản lý ứng dụng CNTT vào hoạt động giáo dục trẻ theo hướng thống nhất, linh hoạt và gắn với đổi mới phương pháp giáo dục. Qua đó bảo đảm sự xuyên suốt trong định hướng, kịp thời trong điều hành và phù hợp với điều kiện thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ.

- Nội dung: Tăng cường vai trò chỉ đạo của Ban giám hiệu trong việc xác định ứng dụng CNTT là nhiệm vụ trọng tâm gắn với chuyển đổi số và đổi mới giáo dục mầm non. Phát huy vai trò nòng cốt của tổ chuyên môn trong việc cụ thể hóa định hướng thành hướng dẫn thực hiện cho giáo viên. Nội dung chỉ đạo tập trung vào việc lồng ghép CNTT hợp lý vào các hoạt động giáo dục theo hướng trực quan, trải nghiệm, tương tác, tránh lạm dụng hoặc sử dụng không phù hợp. Đồng thời, đổi mới hình thức chỉ đạo thông qua sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, dự giờ – rút kinh nghiệm, chia sẻ mô hình và kinh nghiệm ứng dụng CNTT hiệu quả.

- Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể về ứng dụng CNTT theo từng giai đoạn, bảo đảm thống nhất trong toàn trường. Tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn chuyên sâu, hướng dẫn giáo viên thiết kế hoạt

động, học liệu và trò chơi có ứng dụng CNTT phù hợp với đặc điểm trẻ. Trong quá trình triển khai, Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên theo dõi, dự giờ, trao đổi trực tiếp với giáo viên để nắm bắt tình hình và điều chỉnh kịp thời. Đồng thời, khuyến khích giáo viên tham gia tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình ứng dụng CNTT hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

#### *2.3.4. Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin gắn với hỗ trợ, bồi dưỡng giáo viên*

- Mục tiêu: Biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ theo hướng thường xuyên, khách quan và mang tính hỗ trợ phát triển. Qua đó bảo đảm việc ứng dụng CNTT được triển khai đúng định hướng, không mang tính hình thức, đồng thời góp phần nâng cao năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên.

- Nội dung: Đổi mới nhận thức về kiểm tra, đánh giá theo hướng coi đây là công cụ hỗ trợ, thúc đẩy phát triển năng lực giáo viên thay vì chỉ nhằm phát hiện hạn chế. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát có hệ thống, xác định rõ mục tiêu, nội dung, tiêu chí và thời điểm thực hiện, phù hợp với đặc thù giáo dục mầm non. Đa dạng hóa hình thức đánh giá như dự giờ, quan sát hoạt động, đánh giá sản phẩm CNTT (bài giảng điện tử, học liệu số), kiểm tra hồ sơ và phản hồi từ phụ huynh. Đồng thời, chú trọng phản hồi sau kiểm tra theo hướng cụ thể, kịp thời, gắn với đề xuất giải pháp cải tiến.

- Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu xây dựng quy định và tiêu chí đánh giá việc ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ, bảo đảm phù hợp với mục tiêu giáo dục và đặc điểm lứa tuổi. Tổ chức kiểm tra định kỳ kết hợp đột xuất, trực tiếp dự giờ và xem xét sản phẩm CNTT của giáo viên để đánh giá toàn diện. Sau kiểm tra, tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm và cung cấp phản hồi cụ thể cho giáo viên. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch, nội dung chỉ đạo và xây dựng chương trình bồi dưỡng phù hợp. Đồng thời, khuyến khích tự đánh giá và đánh giá đồng nghiệp trong tổ chuyên môn nhằm tạo môi trường học tập nghề nghiệp tích cực.

#### *2.3.5. Tăng cường quản lý và hoàn thiện các điều kiện bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ, hiệu quả và bền vững*

- Mục tiêu: Biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các điều kiện bảo đảm cho việc ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non theo hướng đầy đủ, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn. Qua đó tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai ứng dụng CNTT hiệu quả, lâu dài, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

- Nội dung: Tăng cường quản lý đầu tư, mua sắm và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị CNTT theo hướng có trọng tâm, phù hợp với nhu cầu sử dụng, tránh dàn trải. Chú trọng công tác quản lý, bảo trì, sửa chữa và khai thác hiệu quả thiết bị nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn. Đồng thời, xây dựng và phát triển kho học liệu số dùng chung trong nhà trường với nội dung phong phú, phù hợp chương trình và đặc điểm lứa tuổi trẻ. Bên cạnh đó, quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí; đồng thời đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa hợp lý, minh bạch để bổ sung điều kiện triển khai CNTT. Công tác bồi dưỡng năng lực CNTT cho đội ngũ cũng cần được quan tâm thường xuyên.

- Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu tổ chức rà soát định kỳ hiện trạng cơ sở vật chất, thiết bị CNTT để xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp theo từng giai đoạn. Phân công cán bộ hoặc bộ phận phụ trách quản lý thiết bị, thực hiện bảo trì, hướng dẫn sử dụng và giám sát việc khai thác thiết bị đúng quy định. Tổ chức xây dựng, cập nhật và vận hành kho học liệu số;

khuyến khích giáo viên thiết kế, chia sẻ và sử dụng học liệu hiệu quả. Đồng thời, chủ động tham mưu với cấp trên và phối hợp với phụ huynh, cộng đồng trong huy động nguồn lực, bảo đảm quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, công khai, minh bạch.

### **3. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở xã Hòa Điền, tỉnh An Giang đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều phương diện. Trước hết, về nhận thức, cán bộ quản lý và giáo viên có sự thống nhất cao về vai trò của CNTT, xem đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học và tăng cường hiệu quả quản lý. Trên cơ sở đó, nội dung ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ được triển khai khá đa dạng, từ khai thác học liệu số, thiết kế bài giảng điện tử đến hỗ trợ quản lý và đánh giá sự phát triển của trẻ, đạt từ khá đến tốt.

Về phương pháp và hình thức ứng dụng, giáo viên đã vận dụng tương đối linh hoạt các hình thức như trình chiếu bài giảng, sử dụng hình ảnh, video, tổ chức trò chơi tương tác và bước đầu ứng dụng CNTT trong các hoạt động trải nghiệm, khám phá. Các hình thức này phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, góp phần nâng cao hứng thú và hiệu quả học tập của trẻ. Tuy nhiên, mức độ vận dụng còn chưa đồng đều, đặc biệt trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm và cá thể hóa học liệu, cho thấy vẫn còn phụ thuộc vào năng lực đội ngũ và điều kiện thực tế của nhà trường.

Về điều kiện bảo đảm, các yếu tố như học liệu số, hạ tầng công nghệ, kinh phí và công tác bồi dưỡng đội ngũ đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa thật sự đồng bộ; cơ sở vật chất và thiết bị CNTT còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai trong thực tiễn.

Ở phương diện quản lý, các nội dung như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra và quản lý điều kiện bảo đảm đã được triển khai tương đối bài bản và đạt mức khá. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế như tính linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch chưa cao, công tác bồi dưỡng đội ngũ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu, hoạt động kiểm tra chưa thật sự thường xuyên và việc quản lý thiết bị, nguồn lực chưa đồng bộ.

Trên cơ sở thực trạng đó, nghiên cứu đã đề xuất 05 biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục trẻ, bao gồm: hoàn thiện công tác lập kế hoạch; tăng cường tổ chức triển khai theo hướng đồng bộ và phân hóa; đẩy mạnh chỉ đạo, điều hành gắn với đổi mới phương pháp; đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng hỗ trợ phát triển; và tăng cường quản lý các điều kiện bảo đảm theo hướng đồng bộ, hiệu quả và bền vững. Các biện pháp này có mối quan hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau, hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục mầm non trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

### **Tài liệu tham khảo**

- Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Điều lệ trường mầm non (Ban hành kèm Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
- Cổ, T. M. Đ., & Trần, T. T. M. (2024). Đề xuất mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá theo định hướng giáo dục thông minh. *Tạp chí Giáo dục*, 24(8), 30–34. <https://doi.org/10.12345/tcgd.24.8.2024.030>
- Dương, T. S., & Phan, N. T. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(04S), 193–204. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2023.1455>

- Hồng, V. T., & Phạm, M. G. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 85–95. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1407>
- Lê, T. G., & Đỗ, M. H. (2015). Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc học tiếng Anh của học sinh khối lớp 11 Trường Trung học phổ thông Thành phố Cao Lãnh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15, 96–101. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.8.2015.254>
- Lê, T. N. M. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 223–231. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1421>
- Nguyễn, T. H. (2021). Xây dựng công cụ nghiên cứu ảnh hưởng của các tiêu chí về "Nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em" trong chuẩn nghề nghiệp đến kỹ năng nghiệp vụ của giáo viên trường mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, 496(2), 8–13. Truy cập từ <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/46>
- Nguyễn, T. V., & Phạm, M. G. (2024). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 110–123. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1361>
- Trần, K. T., & Đào, H. N. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trung học cơ sở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(04S), 207-217. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2024.1460>